

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÁI BÌNH DƯƠNG**



BÀI TIỂU LUẬN

**ĐỀ TÀI: SỰ LÃNH ĐẠO ĐÚNG ĐẮN, SÁNG TẠO CỦA ĐẢNG VÀ
NHỮNG KỶ TÍCH CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM,
TRUYỀN CẢM HỨNG VƯƠN LÊN CHO THẾ HỆ TRẺ**

Môn học: Lịch Sử Đảng Cộng Sản Việt Nam

Giảng viên hướng dẫn: Phạm Văn Huỳnh

Họ và tên sinh viên: Vương Thanh Tuyền

Mã Sinh Viên: 210202

Nha Trang, tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

MỞ BÀI.....	- 1 -
NỘI DUNG	- 2 -
I. Những sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo cách mạng	- 2 -
1. Những sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc ..	- 2 -
2. Những sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến	- 3 -
3. Những sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, hướng tới thịnh vượng	- 10 -
II. Những thành quả mang tính kỳ tích của cách mạng Việt Nam bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng.....	- 15 -
1. Những mốc son và ý nghĩa kỳ tích của cách mạng: CMT8; Điện biên phủ; 30/4; Đổi mới hội nhập	- 15 -
2. Những thành quả mang tính kỳ tích trên các lĩnh vực của đời sống.....	- 18 -
III. Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và những kỳ tích của cách mạng truyền cảm hứng vươn lên cho thế hệ trẻ.....	- 20 -
1. Cảm hứng về lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.....	- 20 -
2. Cảm hứng sáng tạo trong học tập, lao động, khởi nghiệp, lập thân, kiến quốc	- 21 -
3. Cảm hứng vượt lên chính mình, chiến thắng bản thân để thành công vượt trội, tiến bước cùng đất nước và thời đại.....	- 22 -
KẾT LUẬN	- 23 -
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	- 24 -

MỞ BÀI

Trước yêu cầu của của lịch sử, nước ta cần thống nhất các tổ chức cách mạng trong nước để chấm dứt khủng hoảng về đường lối cứu nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời tập hợp và chủ trì hợp nhất các tổ chức cộng sản. Nhờ đó Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đưa cách mạng Việt Nam sang một trang lịch sử vĩ đại. Sự ra đời của Đảng, Bác khẳng định: Chủ nghĩa Mác – Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn đến sự thành lập của Đảng, “Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng”. Cùng với Cương lĩnh trí trị đầu tiên, Đảng đã khẳng định sự sáng suốt, đúng đắn và sáng tạo trong những quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bài Luận này sẽ cùng tìm hiểu về sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và những kỳ tích của cách mạng Việt Nam trong công cuộc lãnh đạo và chiến đấu tiến đến nhà nước độc lập – tự do và pháp triển như ngày nay. Cùng với đó là những bài học quý giá Đảng đã để lại cho giới trẻ ngày nay và mai sau.

NỘI DUNG

I. Những sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo cách mạng

1. Những sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc

Tháng 9/1940, sau khi chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ, quân phiệt Nhật và Đông Dương, thực dân Pháp cấu kết với Nhật, bóc lột nhân dân Đông Dương. Nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh “một cổ hai tròng” Pháp – Nhật.

Ngay khi chiến tranh thế giới thứ 2 mới bùng nổ, Đảng đã ra một quyết định sáng suốt là rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn và nhưng vẫn chú tâm đến thành thị.

Trong giai đoạn 1939-1945, Đảng thể hiện sự sáng tạo và khéo léo trong việc lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc, tạo nên những cách tiếp cận và biện pháp quyết định để kích hoạt và thúc đẩy phong trào giải phóng. Sự tổ chức và lãnh đạo linh hoạt đã giúp đẩy mạnh các cuộc khởi nghĩa tại nhiều tỉnh thành khác nhau, từ việc chỉ đạo các đơn vị Giải phóng quân tiến công vào các đồn binh Nhật ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Bái, đến việc thúc đẩy sự đoàn kết và thống nhất của quần chúng. Qua việc phát triển các cuộc mít tinh ủng hộ chính phủ thành các cuộc biểu tình vũ trang, Đảng đã tạo ra áp lực lớn và không thể phủ nhận đối với chính quyền Nhật, đưa chính quyền về tay nhân dân trong nhiều địa phương.

Đặc biệt, sự linh hoạt và phản ứng nhanh chóng với các tình huống mới đã giúp Đảng tận dụng tối đa cơ hội để tiến hành các cuộc khởi nghĩa. Việc chiếm các cơ sở quân sự và hành chính của kẻ thù đã được thực hiện một cách thông minh và hiệu quả. Đồng thời, việc soạn thảo và đọc Tuyên ngôn Độc lập tại Quảng trường Ba Đình đã đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử Việt Nam, thể hiện sự tự tin và quyết tâm của nhân dân Việt Nam trong việc giành lấy độc lập và tự do.

Những sáng tạo này của Đảng đã góp phần quan trọng vào chiến thắng lịch sử của cách mạng Tháng Tám, mở ra một trang mới trong lịch sử dân tộc Việt Nam. Từ việc tổ chức cuộc khởi nghĩa đến việc soạn thảo văn kiện lịch sử, mọi bước đều được thực hiện với sự tư duy sáng tạo và mục tiêu rõ ràng là giải phóng dân tộc và thiết lập chế

độc dân chủ. Đây thực sự là một giai đoạn đầy nghị lực và quyết tâm của nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, để giành lấy quyền tự do và độc lập.

2. Những sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến

2.1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954)

Sau cách mạng tháng 8/1945, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa bước sang một chặng đường mới với nhiều thuận lợi và khó khăn chồng chất. Việt nam trở thành một quốc gia độc lập, Đảng Cộng sản trở thành Đảng cầm quyền, công khai hợp pháp. Đặc biệt Đảng, Chính quyền, và Chủ tịch Hồ Chí Minh giành được uy tín trong đại đa số quần chúng nhân dân. Bên cạnh đó ta gặp không ít những khó khăn, do lợi ích cục bộ của mình, các nước lớn không có nước nào ủng hộ độc lập và công nhận vị trí của Việt Nam dân chủ cộng hòa. Việc đối phó thù trong giặc ngoài càng khó khăn hơn khi chúng được sự bảo trợ của các nước lớn, giúp sức cho Pháp ngang nhiên nổ súng gây hấn. Hai tổ chức nguy hiểm Việt Quốc, Việt Cách với những âm mưu hết sức nguy hiểm là “diệt Cộng cầm Hồ, phá tan Việt Minh”. Chính trị nước ta mới được thành lập còn non trẻ, lực lượng quân đội yếu, vũ khí thiếu thốn nhiều. Hậu quả do chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, lũ lụt, hạn hán, nạn đói tràn lan chưa giải quyết được. Công nghiệp đình đốn, không có ngân sách, hơn 90% đồng bào đói nát và mù chữ. Bên cạnh đó, thách thức lớn nhất và nghiêm trọng lúc này là âm mưu quay trở lại thống trị Việt Nam của thực dân Pháp. Chính những khó khăn, tình hình trong giai đoạn này đã đặt nền độc lập, chính quyền non trẻ của Việt Nam dân chủ cộng hòa, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đúc kết là “ngàn cân treo sợi tóc”.

Một ngày sau khi tuyên bố Tuyên Ngôn Độc Lập, mở phiên họp đầu tiên, Bác Hồ Chí Minh đã thông qua 6 việc cấp bách. Tăng gia sản xuất, xóa nạn mù chữ, sớm tổ chức tổng tuyển cử để bầu chính phủ chính thức - để có hiến pháp, mở phong trào giáo dục, bỏ các thứ thuế, và tuyên bố tín ngưỡng tự do. Tiếp đó ngày 25/11/1945 Trung ương Đảng ra chỉ thị “kháng chiến, kiến quốc”, chỉ thị đã nhận diện tình hình, định hướng con đường đi lên của cách mạng Việt Nam. Triệt để thực hiện khẩu hiệu là “thêm bạn bớt thù”. Phần nào đã đáp ứng đúng yêu cầu cấp bách của cách mạng Việt Nam lúc bấy giờ. Từ đó, Đảng đã nhanh chóng bắt ta vào hành động, ngay năm đầu tiên sau CMT8, nông nghiệp được cải thiện rõ rệt, công nghiệp được khuyến khích đầu tư trở lại. Đến đầu năm 1946 nạn đói được đẩy lùi, hơn 2,5 triệu dân đã biết chữ, đẩy lùi hủ tục. Với Chủ trương hòa hoãn, 11/11/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh tuyên bố Đảng cộng sản Đông Dương tự giải tán. Để âm thầm rút về hoạt động bí mật, nhằm bảo toàn lực lượng cách mạng. Từ những chủ trương đó, chúng ta giữ vững chính quyền Cách mạng, đập tan âm mưu của kẻ thù và tranh thủ được hòa bình để tiếp tục hoạch định chiến lược giành lại hòa bình dân tộc. Để tránh đối đầu với nhiều kẻ thù một lần, nước ta hòa

với thực dân Pháp để đuổi Tưởng về nước. “Chúng ta cần hòa bình để xây dựng nước nhà, cho nên chúng ta đã ép lòng mà nhân nhượng để giữ hòa bình”, Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chủ trương kháng chiến, kiến quốc của Đảng từ tháng 9/1945-12/1946 với tinh thần kiên quyết, linh hoạt, khẩn trương, sáng tạo đã kịp thời đề ra những vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược cách mạng. Đảng đã đề ra những nhiệm vụ, những hiến pháp cụ thể về đối nội và đối ngoại để khắc phục nạn đói, nạn dốt, chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ chính quyền cách mạng. Tạo thêm thời gian hòa bình, hòa hoãn tranh thủ xây dựng lực lượng, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến lâu dài.

17/2/1946, Pháp gây chiến ở Hà Nội, ngang nhiên bắn đại bác gây ra vụ thảm sát ở Hà Nội. Đảng, Trung ương ra nhiều chỉ thị “toàn dân kháng chiến”, với tinh thần “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến, khẳng định quyết tâm sắt đá của nhân dân ta, quyết tâm chiến đấu đến cùng để bảo vệ nền độc lập, tự do:

“Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!

Không! Chúng ta thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ.

Hỡi đồng bào!

Chúng ta phải đứng lên” [Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.4, tr.534]

Nội dung cơ bản của đường lối cứu nước chống thực dân Pháp, được thể hiện trong ba văn kiện: “Kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, “Chỉ thị toàn dân kháng chiến”, tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”. Mục tiêu đánh thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất độc lập. Mặc dù cuộc kháng chiến diễn ra lâu dài nhưng thắng lợi nhất định thuộc về dân tộc Việt Nam. Tổ chức chỉ đạo từ năm 1947 – 1950, Trung ương Đảng quyết định chia cả nước thành các khu, sau này thành các chiến khu quân sự để phục vụ yêu cầu chỉ đạo cuộc kháng chiến. Các ủy ban kháng chiến được thành lập, các tổ chức chính trị xã hội được củng cố, nhằm tăng cường đoàn kết, tập hợp đông đảo mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến. Trong Lĩnh vực kinh tế văn hóa xã hội, phát động phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp tự túc, bảo đảm đời sống cho bộ đội và nhân dân, duy trì phong trào bình dân học vụ. Các ngành, giới, đoàn thể tổ chức nhiều cuộc phát động thi đua ái quốc theo lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Quân sự, để đối phó với cuộc tấn công của địch ngày 15/10/1947 Ban thường vụ Trung ương Đảng đã ra chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp. Sau 75 ngày chiến đấu, chúng ta đã thành công trong việc bảo vệ cơ quan đầu não, đánh bại được kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của quân giặc Pháp. Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính Phủ tranh thủ chủ trương mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa. Từ đó nhận

được sự công nhận và ủng hộ giúp đỡ cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam từ Trung Quốc, Liên Xô, và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu.

Với Những thuận lợi và những thành quả mà Đảng Cộng sản Đông Dương đã đạt được. Đại hội lần thứ II của Đảng, quyết định: Do nhu cầu kháng chiến, giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một Đảng riêng. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Báo cáo chính trị do Chủ tịch Hồ Chí Minh trình bày vạch rõ nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước, bảo vệ hòa bình thế giới. Đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng Lao động Việt Nam thành “một Đảng to lớn, mạnh mẽ, chắc chắn, trong sạch, cách mạng triệt để” để lãnh đạo kháng chiến đi đến thắng lợi hoàn toàn. Chính cương Đảng Lao động Việt Nam được Đại hội thông qua xác định mục đích, tôn chỉ phấn đấu “pháp triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chế độ chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số ở Việt Nam”. Đại hội II thành công là một bước tiến lớn của Đảng về mọi mặt.

Bước vào năm 1953, kế hoạch Nava nguy cơ phá sản, Pháp xây dựng Điện Biên Phủ thành trung tâm điểm kế hoạch Nava. Biên Điện Biên Phủ là một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương gồm 49 cứ điểm, 3 phân khu, 16.200 quân, trang bị hiện đại. Điện Biên Phủ được Pháp và Mỹ đánh giá là “Pháo đài không thể công phá”. Tháng 12/1953, Bộ Tổng tham mưu đã xây dựng xong các kế hoạch tác chiến cụ thể cho các chiến trường và được Bộ Chính trị phê chuẩn. Quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ do đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy. Ta tổ chức đồng loạt tấn công địch, kết hợp với phát động phá tề, trừ gian, mở các chiến dịch địch vận, nguy vận, phá hủy giao thông, đánh mạnh hoạt động chiến tranh du kích. Đặc biệt không thể bỏ qua việc Đại Tướng Võ Nguyên Giáp đã lắng nghe và quyết tâm thực hiện chiến lược với mọi nỗ lực, quyết tâm cao nhất bao vây chặt quân địch ở Điện Biên Phủ. Với phương châm đổi từ “Đánh nhanh thắng nhanh” sang “Đánh chắc, tiến chắc – đánh chắc thắng”. Quân ta đã trải qua 56 ngày đêm, với 3 đợt tiến công lớn. Đến 17 giờ 30 phút chiều 7/5/1954, Quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm được hầm chỉ huy. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc, đưa cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi vẻ vang. Đây là thắng lợi của ý chí và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam mà nòng cốt là lực lượng Quân đội nhân dân anh hùng. Làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, kết thúc chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương, giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tăng thêm niềm tự hào của dân tộc ta. Bên cạnh đó còn cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

2.2. Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954 – 1975)

Trong giai đoạn 1954 -1960, khôi phục kinh tế và cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Khó khăn khi 2 miền chưa thống nhất, mỗi miền một chế độ chính trị khác nhau. Miền Nam do đế quốc và tay sai kiểm soát, không chịu thực hiện hòa bình thống nhất đất nước. Miền Bắc mới giành được độc lập, kinh tế còn lạc hậu, nghèo nàn. Đế quốc Mỹ trở thành kẻ thù trực tiếp của nhân dân Việt Nam. Tình hình phức tạp nêu trên đã đặt Đảng ra trước một tình thế cấp thiết, là phải vạch ra được đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên, phù hợp với tình hình của Việt Nam lúc bấy giờ và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại. Vì vậy trải qua nhiều hội nghị của Ban chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị chủ trương chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới của Đảng đã từng bước được hình thành. Ở miền Bắc Đảng chủ trương đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trải qua các hội nghị, cùng với việc triển khai thi kết quả của 3 năm phát triển kinh tế - văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa miền Bắc (1958 – 1960) đã tạo nên những chuyển biến cho cách mạng trong nền kinh tế - xã hội trong miền Bắc nước ta. Miền Nam, Mỹ đã thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam, biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới, chia cắt lâu dài Việt Nam. Nội dung đường lối cách mạng miền Nam 1954 – 1960, xác định Đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Chuyển đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị, cách mạng miền Nam là khởi nghĩa đấu tranh nhằm giành chính quyền về tay nhân dân, kết hợp với đấu tranh chính trị và vũ trang. Các tỉnh miền Bắc cũng đã cố gắng kết nối với đồng bào miền Nam bằng nhiều đường, đặc biệt là con đường Trường Sơn được mở rộng để đảm bảo chi viện cho miền Nam. Con đường đi các nước bạn dài hơn 1000km để chi viện cho miền Nam.

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại thủ đô Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”. Đại hội hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới. Tạo được sức mạnh tổng hợp để giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc, thể hiện tinh thần độc lập tự chủ sáng tạo của Đảng, là cơ sở để Đảng chỉ đạo quân dân ta giành thắng lợi ở 2 miền Nam – Bắc. Sau đại hội thì Đảng và Trung ương tiến hành thực hiện đường lối Đại Hội III. Kết quả chính trị nội bộ Mỹ gặp khủng hoảng, Việt Nam đánh nhiều trận lớn nhỏ, đầu

năm 1965, các công cụ, chỗ dựa của “chiến tranh đặc biệt” là nguy quân nguy quyền, áp chiến lược,... đều bị lung lay tận gốc. Chiến tranh đặc biệt của Mỹ bị phá sản.

Sau khi thất bại “chiến tranh đặc biệt” ở miền Nam nước ta, Mỹ ồ ạt huy động quân nhân đưa vào nước ta để chuẩn bị cho “chiến tranh cục bộ” của Mỹ. Mỹ đã nổ súng tấn công vào miền Bắc nước ta, khiến cho cả nước rơi vào tình trạng chiến tranh. Để đối đầu với kẻ thù có tiềm lực mạnh mẽ về kinh tế và quân sự bậc nhất thế giới, Trung ương Đảng đã triệu tập nhiều hội nghị NQTW 11 (3-1965), NQTW 12 (12-1965). Nhằm phát động phong trào cứu nước trên phạm vi toàn quốc, hạ quyết tâm chiến lược, động viên lực lượng của cả nước đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào. Như vậy Nghị quyết 11, Nghị quyết 12 năm 1965 đã thể hiện tư tưởng nắm vững giương cao hai ngọn cờ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ của cách mạng. Quyết tâm đánh thắng giặc ngoại xâm xâm lược, giải phóng miền Nam và thống nhất tổ quốc. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện lâu dài và dựa vào sức mình là chính trong hoàn cảnh mới, cơ sở để Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến Chống Mỹ đi tới thắng lợi vẻ vang.

Tháng 12/1967, Bộ Chính trị đã ra một Nghị quyết lịch sử, chuyển cuộc cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp “tổng công kích, tổng khởi nghĩa”. Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 là một chủ trương táo bạo và sáng tạo của Đảng, đánh thẳng vào ý chí xâm lược của giới cầm quyền Mỹ; là một đòn tiến công chiến lược đánh vào tận hang ổ kẻ thù. Tuy nhiên trong quá trình lãnh đạo hoạt động quân sự đã có biểu hiện của sự chủ quan về việc đánh giá tình hình, đề ra yêu cầu chưa sát với thực tế. Đặc biệt là chưa rút ra được kinh nghiệm kịp thời. Làm cho cách mạng miền Nam rơi vào thời kỳ khó khăn nghiêm trọng do bị tổn thất lớn về lực lượng và thế trận.

Từ tháng 11/1968 Đảng lãnh nhân dân miền Bắc thực hiện các kế hoạch ngắn hạn nhằm khắc phục hậu quả chiến tranh, tiếp tục xây dựng miền Bắc tăng cường lực lượng cho miền Nam. Ngày 2/9/1969, Bác Hồ đã qua đời, Người đã để lại một bản di chúc lịch sử, chứa đựng những tư tưởng lớn về những vấn đề căn bản và cấp thiết của cách mạng Việt Nam. Nhân dân miền Bắc đã biến đau thương thành sức mạnh, đã khăn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh phát triển chủ

nghĩa xã hội. Sau 3 năm, tình hình phát triển kinh tế - xã hội có nhiều chuyển biến tốt đẹp trên các mặt trận.

Từ tháng 4-1972, Mỹ triển khai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam nhằm ngăn chặn cuộc tiến công chiến lược của quân dân Việt Nam ở miền Nam. Cuộc hành quân này, được gọi là cuộc hành quân Lainerbacker II, bao gồm cuộc rải bom dữ dội từ máy bay B-52 trong 12 ngày đêm tại Hà Nội, Hải Phòng và các khu vực khác. Trước cuộc tấn công này, Trung ương Đảng đã kêu gọi quân dân miền Bắc tăng cường chiến đấu và sản xuất, đỉnh điểm là trong trận "Điện Biên Phủ trên không", đánh bại hoàn toàn kế hoạch tấn công của Mỹ.

Sau khi Hiệp định Paris được ký kết, miền Bắc bước vào giai đoạn hòa bình, và Trung ương Đảng đề ra kế hoạch hai năm (1974-1975) để khôi phục và phát triển kinh tế. Nhờ sức mạnh kinh tế và quốc phòng được xây dựng, cùng với sự hỗ trợ quốc tế, miền Bắc không chỉ đứng vững trước chiến tranh mà còn đánh bại hai cuộc tấn công của Mỹ. Tổng cộng, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 4.181 máy bay và tiêu diệt hàng nghìn quân Mỹ.

Ngoài việc bảo vệ miền Bắc, nhân dân còn hoàn thành nhiệm vụ hậu phương lớn đối với miền Nam và góp phần vào nỗ lực cách mạng ở Lào và Campuchia. Trong miền Nam, sau khi chiến lược "Chiến tranh cục bộ" thất bại, Mỹ chuyển sang chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh", nhưng nhân dân miền Nam đã vượt qua khó khăn, đánh bại chiến lược này thông qua cuộc tiến công chiến lược vào năm 1972. Hiệp định Paris đã chấm dứt chiến tranh và đưa ra những cam kết về độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Tuy nhiên, sau đó, Mỹ vẫn tiếp tục âm mưu để chiếm lại vùng giải phóng của Việt Nam, nhưng nhân dân Việt Nam đã tiếp tục đấu tranh và đạt được thắng lợi quyết định.

Trong giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, quân và dân miền Nam đã thực hiện một chuỗi chiến dịch quyết liệt nhằm tiêu diệt lực lượng đối phương và giành lại quyền tự do. Các chiến dịch này đã góp phần làm sụp đổ chính quyền Sài Gòn và đưa ra chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam. Điểm đáng chú ý bao gồm cuộc chiến giải phóng thành phố Phước Long, mở ra con đường cho cuộc giải phóng miền Nam; sau đó là cuộc tiến công mạnh mẽ vào các thị trấn và thành phố chiến lược như

Buôn Ma Thuột, Huế, Đà Nẵng và cuối cùng là Sài Gòn. Trong vòng 55 ngày, từ ngày 10-3 đến ngày 30-4-1975, cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân đã mang về chiến thắng toàn diện, đánh dấu sự kết thúc thắng lợi của cuộc kháng chiến..

3. Những sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế, hướng tới thịnh vượng

3.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

Từ năm 1975, hoàn cảnh lịch sử của đất nước ta đã được độc lập, hòa bình và thống nhất, cả nước cùng quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Đất nước có nhiều thuận lợi với sức mạnh tổng hợp, đồng thời cũng phải khắc phục những hậu quả của cuộc chiến tranh kéo dài gây ra. Điểm xuất phát của Việt Nam về kinh tế xã hội còn ở trình độ thấp. Trong khi đó đặt điểm quốc tế cũng có những thuận lợi, đồng thời cũng xuất hiện những khó khăn thách thức mới. Nhất là các nước xã hội chủ nghĩa bộc lộ những khó khăn đặc biệt là trong kinh tế xã hội và sự phát triển. Bên cạnh đó các thế lực thù địch đã bao vây, cấm đoán, phá hoại sự phát triển của cách mạng Việt Nam.

Và để thực hiện bước quá độ này, rất nhiều nhiệm vụ được Đảng đặt ra, nhưng nhiệm vụ đầu tiên, bức thiết nhất được Đảng đặt ra là thống nhất nước nhà về mặt nhà nước. Sau năm 1975, Đảng hoàn thành việc thống nhất nước nhà về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn, là cơ sở để thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác. Nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện, là điều kiện kiên quyết để đưa cả nước lên chủ nghĩa quá độ.

Đại hội lần IV (12-1976), đã xác định đường lối của cách mạng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới. Xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế. Đề ra được phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển và văn hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những điểm tích cực còn bộc lộ những điểm hạn chế. Sau đại hội lần thứ IV của Đảng, Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) là bước đột phá thứ nhất. Đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, với chủ trương là khắc phục những yếu kém, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa. Phá bỏ những rào cản, làm cho sản xuất được “bung ra”. Còn có nhiều chỉ thị, quyết định được đề ra tạo ra những động lực mới, kết quả thúc đẩy cho sản xuất nông nghiệp đạt kế hoạch, công nghiệp vượt kế hoạch.

Đại hội lần V của Đảng (3-1982), Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá những sai lầm của Đảng, phân tích nguyên nhân thắng lợi, những khó khăn, và những biến động của tình hình thế giới. Tiếp tục thực hiện thêm các Hội nghị Trung ương 6 (7-1984) đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do. Thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế. Hội nghị Trung ương 7 (12-1984),

xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục đặt sản xuất nông nghiệp hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm. Hội nghị Trung ương 8 (6-1985), là bước đột phá thứ hai, đã đánh dấu quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng. Hội nghị xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp. Lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh XHCN. Hội nghị Bộ Chính trị (8 – 1986), đây là bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế, đồng thời cũng là bước quyết định cho sự ra đời của đường lối đổi mới của Đảng.

3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2020)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đại hội VI diễn ra vào tháng 12 năm 1986 tại Hà Nội đã mở ra một thời kỳ mới của sự đổi mới toàn diện trong lãnh đạo và quản lý quốc gia. Đây không chỉ là một bước quan trọng mà còn là một sự đột phá về tư duy và tri thức lãnh đạo của Đảng trong việc đối mặt với những thách thức khó khăn từ tình hình khủng hoảng kinh tế - xã hội. Bằng sự quyết đoán và kiên trì, Đảng đã tự đánh giá thực tế và nhìn nhận rõ các sai lầm, khuyết điểm trong giai đoạn trước đó, từ đó đưa ra các chiến lược và biện pháp cụ thể để đổi mới toàn diện. Việc đổi mới cơ chế quản lý và loại bỏ hệ thống tập trung quan liêu, cùng việc đặt ra mục tiêu phát triển nhiều thành phần kinh tế, đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của đất nước. Điều này thể hiện qua việc tăng cường quan hệ đối ngoại và hợp tác quốc tế, góp phần mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Trong giai đoạn khó khăn của khủng hoảng kinh tế - xã hội từ năm 1987-1988, việc thực hiện các chiến lược và biện pháp cụ thể như giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, và giảm khó khăn trong đời sống nhân dân đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự ổn định và phát triển của đất nước. Trong lĩnh vực kinh tế, Đảng đã áp dụng các biện pháp như việc giảm bớt tập trung và mở rộng giao lưu hàng hoá, giúp tạo ra sự linh hoạt trong lưu thông và phân phối hàng hoá. Trong lĩnh vực nông nghiệp, việc áp dụng Nghị quyết 10 về khoán sản phẩm cuối cùng cho người nông dân đã tạo ra sự ổn định và khích lệ sản xuất. Trong công nghiệp, việc chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang mô hình kinh doanh xã hội chủ nghĩa đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ. Bên cạnh đó, việc công nhận sự tồn tại và nâng cao vai trò của các thành phần kinh tế khác cùng với việc tăng cường sự bình đẳng và chính trị của nhân dân đã tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững của đất nước. Những biện pháp đổi mới này đã mang lại kết quả tích

cực, từ việc giảm lạm phát đáng kể đến việc tăng cường sự đa dạng và phong phú trong lưu thông hàng hoá, mở ra cơ hội cho sự hợp tác và phát triển quốc tế. Từ năm 1990, trong lĩnh vực quan hệ đối ngoại, việc giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế, mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các quốc gia trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, đã là một phần quan trọng trong chiến lược đối ngoại của Việt Nam. Góp phần quan trọng vào sự thịnh vượng và ổn định của đất nước, đồng thời chứng tỏ sự sáng tạo và quyết đoán của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII vào năm 1996, Đảng đã thực hiện định hình tầm nhìn và mục tiêu phát triển của Việt Nam trong thời kỳ tiến vào thế kỷ 21. Việc giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp chặt chẽ giữa đổi mới kinh tế và chính trị, cùng với việc mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân đã được nêu ra như là những bài học quan trọng. Điều này đặc biệt trong bối cảnh thế giới đang chuyển đổi nhanh chóng, đòi hỏi sự linh hoạt và quyết đoán trong lãnh đạo. Một trong những nhiệm vụ quan trọng là thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp và nông thôn, đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính-tiền tệ, giải quyết việc làm và xoá đói giảm nghèo. Đây không chỉ là những nhiệm vụ kinh tế mà còn đề cập đến việc tạo ra một xã hội công bằng và phát triển, nơi mỗi công dân đều có cơ hội và điều kiện phát triển. Những nỗ lực này đã đạt được những thành tựu đáng kể, như tăng trưởng kinh tế ổn định và giảm tỷ lệ lạm phát, cùng việc vượt qua khủng hoảng tài chính tiền tệ trong khu vực vào năm 1997. Điều này không chỉ là minh chứng cho sự đi lên của nền kinh tế mà còn là sự khẳng định về sức mạnh và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Đảng còn thực hiện tự phê bình và rút ra những bài học quan trọng, từ đó củng cố và phát triển Đảng theo hướng phù hợp với tình hình mới, đặc biệt là trong bối cảnh thế giới đang chuyển đổi không ngừng. Tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động là một yêu cầu quan trọng nhằm đảm bảo sự đồng thuận trong các mục tiêu và phương hướng của Đảng. Tạo ra sự ổn định và tin cậy mà còn là yếu tố then chốt để thúc đẩy sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước.

Xây dựng và củng cố tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của Đảng từ Trung ương đến cơ sở cũng là một trong những sáng tạo đáng chú ý. Việc xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của các ban của Đảng ở các cấp, cùng việc cải tiến

cách làm của các cơ quan và tổ chức trong hệ thống chính trị đã tạo ra cơ sở vững chắc để thúc đẩy sự phát triển và hội nhập của Việt Nam trên bước đường hiện đại hóa và công nghiệp hóa. Những sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lãnh đạo công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế và hướng tới thịnh vượng đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển toàn diện của đất nước. Việc ban hành Chỉ thị về Quy chế dân chủ và phối hợp ban hành Quy chế dân chủ ở các cấp tổ chức cơ sở là một ví dụ điển hình. Điều này không chỉ tạo điều kiện cho sự tham gia dân chủ mà còn tăng cường quản lý dân chủ trong các tổ chức cơ sở, đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong quá trình ra quyết định và thực hiện chính sách.

Ngoài ra, việc ban hành những nghị quyết quan trọng về giáo dục-đào tạo và phát triển khoa học-công nghệ cũng đã góp phần quan trọng vào việc đảm bảo nguồn nhân lực có chất lượng và phát triển kinh tế-xã hội theo hướng hiện đại. Đây là bước quan trọng trong việc đưa đất nước vượt qua thách thức của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và thúc đẩy sự phát triển bền vững. Đồng thời, việc xây dựng và phát triển văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng là một trong những sáng tạo của Đảng. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa, xây dựng môi trường văn hóa và tăng cường hợp tác quốc tế về văn hóa đã góp phần tạo nên bức tranh văn hóa đa dạng và phong phú của Việt Nam trên trường quốc tế. Những nỗ lực này, cùng với việc thực hiện tự phê bình và đánh giá, tăng cường sự thống nhất, xây dựng và củng cố tổ chức bộ máy, ban hành các quy chế dân chủ, nghị quyết về giáo dục-đào tạo và phát triển khoa học-công nghệ, cũng như việc xây dựng và phát triển văn hóa tiên tiến, tất cả đều thể hiện sự kiên trì và đổi mới của Đảng trong việc lãnh đạo và phát triển đất nước, đồng thời hướng tới mục tiêu thịnh vượng và phát triển bền vững.

Nhìn vào những sáng tạo của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới, hội nhập quốc tế và hướng tới thịnh vượng, ta nhận thấy một sự cam kết mạnh mẽ đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Qua các chủ trương và biện pháp lãnh đạo, Đảng đã không chỉ định hình một tương lai mà còn tạo điều kiện để thực hiện nó. Một trong những thành tựu đáng chú ý là việc thúc đẩy công cuộc đổi mới và hiện đại hóa kinh tế. Bằng cách tập trung vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa và ứng phó với biến đổi khí hậu, Đảng đã thể hiện sự nhạy bén và quyết tâm trong việc giải quyết những thách thức môi trường và kinh tế. Điều này không chỉ tạo ra cơ sở vững chắc cho sự phát triển kinh

tế mà còn mang lại lợi ích lâu dài cho cộng đồng. Việc tham gia tích cực vào các diễn đàn quốc tế và thiết lập quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia khác đã làm tăng cường vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế. Bằng cách này, Đảng đã mở ra những cơ hội mới cho phát triển kinh tế và đồng thời đảm bảo an ninh và ổn định cho đất nước. Điểm đáng chú ý khác là sự chú trọng vào xây dựng đội ngũ lãnh đạo đủ năng lực và trách nhiệm. Việc đào tạo và củng cố đội ngũ cán bộ cấp cao là một trong những yếu tố quan trọng để đảm bảo sự lãnh đạo vững mạnh và hiệu quả. Điều này không chỉ đảm bảo sự thực thi chính sách mà còn tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của đất nước. Trong lĩnh vực biển, Đảng đã có những bước tiến quan trọng nhằm tận dụng tiềm năng kinh tế của biển đảo. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức và khó khăn cần vượt qua. Việc xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030 là một bước quan trọng trong việc đảm bảo sự bền vững và thịnh vượng cho ngành kinh tế này.

Sự lãnh đạo thông minh và sáng tạo của Đảng đã tạo ra những chính sách và biện pháp quan trọng nhằm thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu và giải quyết các thách thức hiện đang đặt ra, cần có sự nỗ lực và kiên nhẫn từ tất cả các bộ phận của xã hội. Chỉ khi thông qua sự đoàn kết và hợp tác chặt chẽ, chúng ta mới có thể xây dựng một Việt Nam mạnh mẽ và thịnh vượng trong tương lai.

II. Những thành quả mang tính kỳ tích của cách mạng Việt Nam bắt nguồn từ sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng

1. Những mốc son và ý nghĩa kỳ tích của cách mạng: CMT8; Điện biên phủ; 30/4; Đổi mới hội nhập

Cách mạng Việt Nam đã chứng minh sức mạnh của sự đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng của nhân dân trong việc giành độc lập, tự do, và xây dựng một xã hội công bằng, dân chủ. Thành công vĩ đại thứ nhất của cách mạng Việt Nam là cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thành lập. Cuộc cách mạng này không chỉ đánh đổ ách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, mà còn xóa bỏ chế độ phong kiến lâu đời, mở ra kỷ nguyên mới của độc lập và dân chủ cho dân tộc Việt Nam.

Với sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, cuộc Cách mạng Tháng Tám đã thúc đẩy sự nổi dậy của toàn dân tộc và kết hợp đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, thống nhất lợi ích của các giai cấp với lợi ích tối cao của dân tộc. Đây là thành tựu tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong một thời kỳ dài, từ những năm đầu thành lập Đảng cho đến cao trào của cuộc vận động dân chủ và phong trào giải phóng dân tộc.

Cách mạng Tháng Tám đã thể hiện sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và ý chí tự lực, tự cường của nhân dân Việt Nam. Sự hy sinh và kiên nhẫn của cán bộ, đảng viên, và toàn bộ nhân dân đã tạo nên thành công lớn trong việc giải phóng dân tộc và xây dựng nền độc lập dân chủ.

Không chỉ dừng lại ở đó, thành công thứ hai là cách mạng Việt Nam còn tiếp tục với các cuộc kháng chiến để giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Với sự lãnh đạo chính xác và phương pháp cách mạng sáng tạo, Đảng đã thắng lợi trong cuộc chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh thắng chủ nghĩa thực dân cũ và mới, và đưa cả nước đi lên con đường chủ nghĩa xã hội.

Thành công của cách mạng Việt Nam không chỉ là của một dân tộc mà còn là niềm tự hào của các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Với sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa và các lực lượng cách mạng, cách mạng Việt Nam đã chứng minh rằng một dân

tộc nhỏ bé có thể đánh bại mọi thế lực đế quốc xâm lược khi đoàn kết và đấu tranh kiên quyết dưới sự lãnh đạo của một Đảng đúng đắn và phương pháp cách mạng sáng tạo.

Thành công lớn thứ ba là của sự nghiệp đổi mới và việc từng bước đưa đất nước vượt qua giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội, không chỉ là kết quả của sự phấn đấu mà còn là kết quả của sự lãnh đạo tận tình và chiến lược của Đảng.

Đặt vào bối cảnh lịch sử, sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam được coi là một bước ngoặt quan trọng, mang tính chất lịch sử, kế thừa và phát triển từ những nền tảng của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong thời kỳ chiến tranh và sau khi đất nước thống nhất. Sự lãnh đạo của Đảng không chỉ đề ra mà còn thực hiện một đường lối đổi mới sáng tạo, phù hợp với tình hình cụ thể của Việt Nam và bối cảnh quốc tế.

Điều đặc biệt nổi bật là sự hiểu biết sâu sắc về tư duy lý luận, nhận thức rõ về những đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cũng như quan điểm của các tư tưởng lớn như Karl Marx, V.I. Lenin và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điều này đã định hình một đường lối đổi mới mang tính sáng tạo, dựa trên sự khảo nghiệm thực tiễn và tôn trọng quy luật khách quan.

Thành tựu của sự đổi mới đã làm thay đổi diện mạo của Việt Nam. Từ việc chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường với sự quản lý của Nhà nước, đất nước đã trải qua một hành trình phát triển ấn tượng. Từ khủng hoảng kinh tế-xã hội đến việc đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa, Việt Nam đã trở thành một trong những quốc gia có thu nhập trung bình và đang phấn đấu trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

Điều quan trọng là việc lãnh đạo của Đảng đã giữ vững ổn định chính trị và xã hội, đồng thời củng cố quốc phòng và an ninh. Quan hệ đối ngoại của Việt Nam cũng được mở rộng và phát triển tích cực, tạo điều kiện cho việc hội nhập quốc tế.

Tuy nhiên, trong quá trình đổi mới, cũng có những thách thức và hạn chế cần được vượt qua. Điều này yêu cầu sự tự đổi mới và sự quán triệt của Đảng, đồng thời cần phải đặt lợi ích quốc gia và nhân dân lên trên hết.

Nhìn lại hành trình 30 năm đổi mới, việc học hỏi và tự đổi mới là điều không thể thiếu. Đây là bài học quý báu mà Đảng và nhân dân Việt Nam đã rút ra, để tiếp tục vượt qua mọi thách thức và phát triển mạnh mẽ hơn trong tương lai.

2. Những thành quả mang tính kỳ tích trên các lĩnh vực của đời sống

Những thành quả mang tính kỳ tích trên các lĩnh vực của đời sống chính là minh chứng rõ ràng cho sự tiến bộ và phát triển toàn diện của Việt Nam qua những năm tháng đầy thách thức.

Trong lĩnh vực chính trị, sự ổn định và phát triển của hệ thống chính trị và Đảng nhà nước đã tạo ra một môi trường chính trị vững mạnh, góp phần tạo nên sự đoàn kết và thống nhất trong xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng và các cơ quan nhà nước đã giúp đất nước vượt qua mọi thử thách và xây dựng được nền tảng chính trị vững mạnh.

Trong lĩnh vực kinh tế, Việt Nam đã thể hiện sự tăng trưởng ấn tượng và bền vững, từ việc chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa sang nền kinh tế thị trường đa dạng. Sự mở cửa và hội nhập quốc tế cùng với các biện pháp cải cách kinh tế đã tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi và tạo động lực cho sự phát triển của các ngành công nghiệp và dịch vụ.

Trong lĩnh vực văn hóa và giáo dục, Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng kể trong việc bảo tồn và phát huy di sản văn hóa, đồng thời nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Việc đầu tư vào giáo dục đã giúp nâng cao trình độ tri thức của người dân, từ đó tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự phát triển của đất nước.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng đã chú trọng vào việc bảo vệ tự do, dân chủ và nhân quyền, tạo điều kiện cho mỗi cá nhân có quyền được tự do ngôn luận, tôn trọng quyền con người và tham gia vào quyết định của đất nước. Sự phát triển của các pháp luật và hệ thống tư pháp cũng đã góp phần quan trọng vào việc bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của người dân.

Đặc biệt, Việt Nam cũng đã đóng góp tích cực vào cộng đồng quốc tế thông qua việc tham gia vào các tổ chức quốc tế, cam kết với các hiệp định và thỏa thuận quốc tế, đồng thời hỗ trợ các nước khó khăn và tham gia vào các hoạt động hòa bình và phát triển toàn cầu.

Những thành tựu kỳ tích trên các lĩnh vực của đời sống không chỉ là niềm tự hào của người Việt mà còn là niềm hy vọng và cảm hứng cho các quốc gia khác trên con

đường phát triển và hòa bình. Việt Nam đã và đang chứng minh vai trò quan trọng của mình trong cộng đồng quốc tế và tiếp tục đóng góp tích cực vào sự phát triển của thế giới.

III. Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và những kỳ tích của cách mạng truyền cảm hứng vươn lên cho thế hệ trẻ

1. Cảm hứng về lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội

Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam rất rõ ràng và quan trọng đối với sự phát triển của quốc gia. Đầu tiên, việc nắm vững nguyên lý của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là yếu tố chủ chốt. Đây không chỉ là một mục tiêu lý tưởng mà còn là hành động cụ thể được đề ra từ Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng vào năm 1930. Công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng xã hội công bằng đã được Đảng kiên định thực hiện qua nhiều giai đoạn, từ kháng chiến chống thực dân Pháp, Mỹ đến quá trình đổi mới từ năm 1986.

Thứ hai, sự nghiệp cách mạng không chỉ là của một nhóm hay một đội ngũ lãnh đạo mà là của toàn dân tộc. Đây là điểm mạnh vốn có từ triết lý Mác-Lênin, được Chủ tịch Hồ Chí Minh tiếp nhận và sáng tạo bằng cách thực hiện một cách sâu sắc trong thực tiễn. Việc đưa dân chúng vào trung tâm của cách mạng, phát huy cao độ tính chủ động tham gia và tạo ra sự thay đổi. Sự liên kết mật thiết giữa Đảng và nhân dân đã giúp thúc đẩy mọi cuộc cách mạng và xây dựng quốc gia.

Thứ ba, nguyên tắc đoàn kết là quan trọng nhất trong lãnh đạo cách mạng. Từ triết lý của Marx và Engels, cho đến tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc kết hợp lực lượng nội bộ và sức mạnh quốc tế đã làm nên thành công của nhiều cuộc đấu tranh của Việt Nam. Đặc biệt, việc xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất và đẩy mạnh hợp tác quốc tế đã tạo ra một lực lượng toàn diện và mạnh mẽ, đồng thời làm cho đất nước trở nên toàn vẹn và mạnh mẽ hơn trên trường quốc tế.

Cuối cùng, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định sự thành công của cách mạng Việt Nam. Việc xây dựng Đảng, rèn luyện đạo đức cách mạng, và không ngừng đổi mới trong lãnh đạo đã giúp Đảng duy trì được sức mạnh và uy tín trong lòng nhân dân. Đây là một yếu tố không thể thiếu để đảm bảo thành công trong mọi cuộc đấu tranh và xây dựng đất nước.

2. Cảm hứng sáng tạo trong học tập, lao động, khởi nghiệp, lập thân, kiến quốc

Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ là nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho thế hệ trẻ mà còn thúc đẩy họ vươn lên trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Điều này được thể hiện rõ qua cảm hứng sáng tạo trong học tập, lao động, khởi nghiệp, lập thân, và tinh thần kiến quốc.

Ở mặt học tập, triết lý và nguyên tắc cách mạng của Đảng đã truyền cảm hứng cho thế hệ trẻ không chỉ biết học mà còn biết nắm bắt và sáng tạo kiến thức. Được nuôi dưỡng trong môi trường giáo dục mà Đảng đã xây dựng, các bạn trẻ hiểu rằng việc học không chỉ là để đạt được thành tích cá nhân mà còn là để phục vụ cho sự phát triển của cả xã hội.

Trên con đường lao động, thế hệ trẻ được khích lệ và động viên để không ngừng sáng tạo, nâng cao tay nghề, và áp dụng những kiến thức lý thuyết vào thực tiễn. Sự lãnh đạo của Đảng đã tạo ra một môi trường làm việc tích cực và sáng tạo, giúp cho những ý tưởng mới được đón nhận và thực hiện một cách linh hoạt và hiệu quả.

Khởi nghiệp và lập thân là một phần quan trọng trong sự phát triển của thế hệ trẻ. Dưới tầm gương của Đảng, các bạn trẻ không chỉ dám mơ ước mà còn dám hành động, tự tin khám phá và thử nghiệm trong lĩnh vực doanh nghiệp. Sự hỗ trợ về chính sách và tư duy sáng tạo từ Đảng đã giúp cho nhiều doanh nhân trẻ thành công và góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Cuối cùng, tinh thần kiến quốc - lòng yêu nước, trách nhiệm với cộng đồng và quốc gia - được Đảng truyền đạt và tôn vinh. Thế hệ trẻ được khích lệ và hướng dẫn để trở thành những công dân có ý thức và trách nhiệm, tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội và chính trị, góp phần vào sự phát triển và bảo vệ đất nước.

Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và những kỳ tích của cách mạng không chỉ là nguồn cảm hứng mà còn là điểm tựa vững chắc cho thế hệ trẻ Việt Nam vươn lên trong học tập, lao động, khởi nghiệp, lập thân, và kiến quốc. Nhờ vào những giá trị và nguyên tắc đã được Đảng truyền dạy, thế hệ trẻ tự tin bước vào tương lai với niềm tin và hy vọng.

3. Cảm hứng vượt lên chính mình, chiến thắng bản thân để thành công vượt trội, tiến bước cùng đất nước và thời đại

Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đã tạo ra một nguồn cảm hứng mạnh mẽ cho thế hệ trẻ không chỉ để vượt lên chính mình mà còn để chiến thắng bản thân, tiến bước cùng đất nước và thời đại. Những kỳ tích của cách mạng đã truyền cảm hứng cho tinh thần kiên trì, quyết tâm và sự ganh đua với chính mình trong mỗi cá nhân, từ đó thúc đẩy họ đạt được thành công vượt trội.

Sự cảm hứng này thể hiện rõ trong việc thế hệ trẻ tự đặt ra những mục tiêu cao cả và không ngừng nỗ lực vượt qua các thách thức, khó khăn để đạt được những thành tựu đáng kể. Được truyền đạt những giá trị và tư duy sáng tạo từ Đảng, các bạn trẻ không chỉ dừng lại ở mức độ tương đối mà còn mạnh mẽ hướng tới sự xuất sắc, với lòng kiên nhẫn và sự kiên trì không ngừng.

Chiến thắng bản thân để thành công vượt trội không chỉ đòi hỏi sự nỗ lực cá nhân mà còn cần có sự hỗ trợ từ cộng đồng và xã hội. Đảng là tấm gương lớn, tạo điều kiện thuận lợi để thế hệ trẻ có thể phát huy hết tiềm năng của mình. Sự hỗ trợ từ Đảng cùng với tinh thần đoàn kết, hợp tác của cả xã hội đã giúp cho các bạn trẻ có thêm động lực và niềm tin để vượt qua mọi thử thách.

Cuối cùng, việc tiến bước cùng đất nước và thời đại đòi hỏi sự đồng lòng và sự đoàn kết của toàn dân tộc. Thế hệ trẻ, nhờ vào cảm hứng từ lãnh đạo của Đảng và những kỳ tích của cách mạng, đã tự tin đứng lên, tham gia vào các hoạt động xã hội và chính trị, góp phần vào sự phát triển và bảo vệ đất nước, thể hiện tinh thần yêu nước và trách nhiệm công dân.

Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng và những kỳ tích của cách mạng không chỉ là nguồn cảm hứng mà còn là động lực mạnh mẽ để thế hệ trẻ vượt lên chính mình, chiến thắng bản thân và tiến bước cùng đất nước và thời đại. Nhờ vào sự kết hợp giữa ý chí cá nhân và sự hỗ trợ từ cộng đồng, thế hệ trẻ Việt Nam đang dần khẳng định vị thế của mình trong xã hội và góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước.

KẾT LUẬN

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã ghi nhận những thành công to lớn và những bước tiến quan trọng của dân tộc Việt Nam. Từ giai đoạn đầu thành lập, qua những thời kỳ đầy khó khăn, Đảng đã không ngừng phấn đấu và chiến thắng để đưa đất nước vượt qua mọi thử thách. Nhờ vào sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng, dân tộc Việt Nam đã khẳng định được chính mình trên trường quốc tế và góp phần vào sự nghiệp giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước tự do, dân chủ, văn minh. Điển hình là chiến thắng lịch sử tại Điện Biên Phủ và Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, mở ra một thời kỳ mới của đất nước Việt Nam. Để đạt được thành công lớn như ngày nay, Đảng đã phải vượt qua hàng loạt khó khăn và thách thức, từ cuộc kháng chiến chống Pháp, Mỹ đến quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết và quyết tâm cao, Đảng và nhân dân Việt Nam đã vượt qua mọi khó khăn, khẳng định được bản thân trên trường quốc tế. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một chuỗi thành công, chiến thắng và sự phấn đấu không ngừng nghỉ của dân tộc Việt Nam. Điều này chứng tỏ sức mạnh của lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, từng bước đưa đất nước vươn lên trong cuộc cạnh tranh và phát triển toàn cầu.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, (giáo trình tập huấn năm 2019)
- [2] Bài giảng môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam của PGS. TS. Phạm Văn Huỳnh (2024)

